

Năng suất lao động ở Việt Nam

Trước bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, để tồn tại được, các doanh nghiệp phải cung cấp những sản phẩm có tính cạnh tranh, đặc biệt là về giá thành, chất lượng, và an toàn. Năng suất lao động là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và được cộng đồng quốc tế cũng như Việt Nam dành nhiều nỗ lực quan tâm cải tiến.

Ở Việt Nam các hoạt động về năng suất chất lượng đã được khởi xướng từ năm 1995 với khá nhiều những sự kiện, hoạt động nhằm thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp cũng như mọi đối tượng liên quan. Ví dụ như: Hội nghị Chất lượng Việt Nam lần thứ nhất do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng lần thứ nhất tổ chức năm 1995; Hội nghị bàn tròn về năng suất với sự tham gia của các thành viên tổ chức APO hay Diễn đàn ISO 9000 tổ chức năm 1996 tại Hà Nội; năm 1997 Trung tâm Năng suất Việt Nam được thành lập với vai trò là hạt nhân của Phong trào năng suất quốc gia và là đại diện thường trực của Việt Nam tại Tổ chức APO. Đặc biệt, ngày 21 tháng 5 năm 2010 đánh dấu bước phát triển mới của Phong trào năng suất chất lượng tại Việt Nam khi Thủ tướng Chính phủ chính thức phê duyệt Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” tại Quyết định số 712/QĐ-TTg.

Theo báo cáo Năng suất 2014, năng suất lao động có xu hướng tăng một cách ổn định. Số liệu thống kê mới nhất của Viện năng suất Việt Nam, năng suất lao động của toàn xã hội năm 2014 theo giá thực tế là 74,30 triệu đồng/người, so sánh với năm 2010 là 50,84 triệu đồng/người. Số liệu thống kê cho thấy, tốc độ tăng năng suất toàn xã hội của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2014 đạt khoảng 3,6%/năm.

Bảng 1: Năng suất lao động xã hội của Việt Nam năm 2006 - 2014

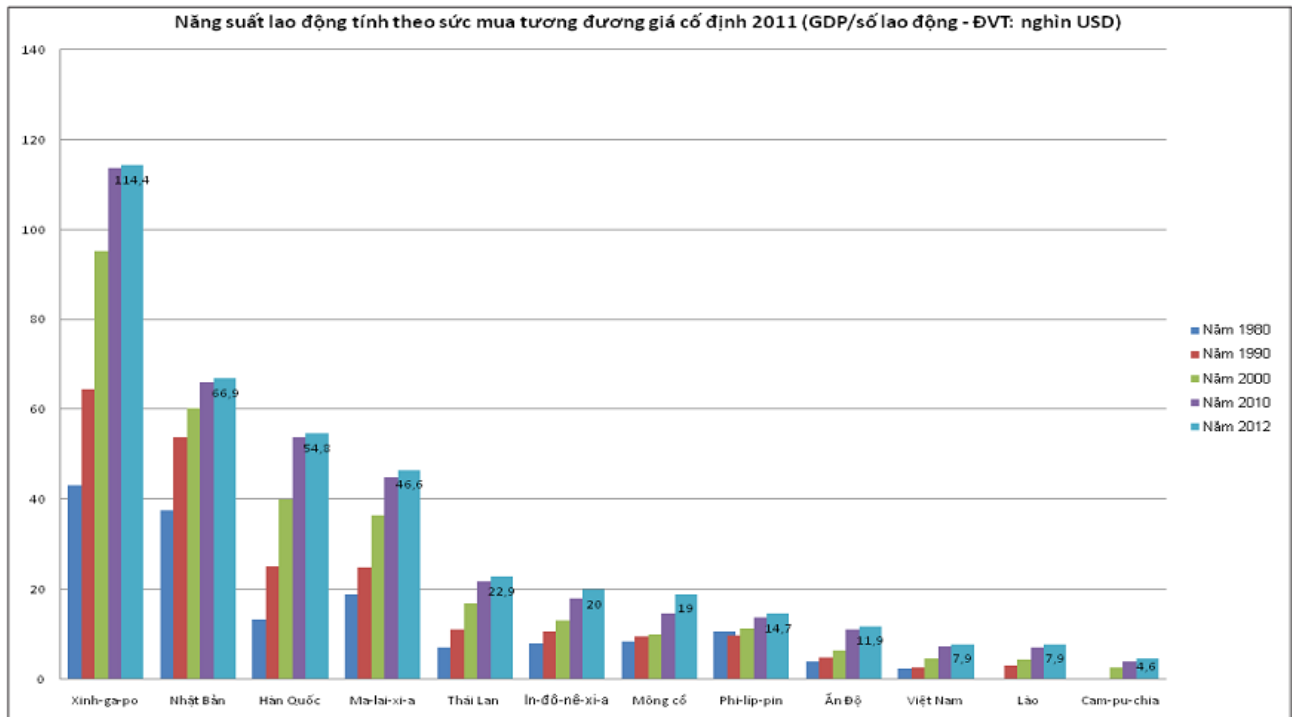
Năm	Số lao động (nghìn người)	Giá so sánh 2010		Giá thực tế		Tốc độ tăng (%)
		GDP (tỷ đồng)	NSLĐ (triệu đồng/lao động)	GDP (tỷ đồng)	NSLĐ (triệu đồng/lao động)	
2006	43980,3	1699051	38,64	1061565	24,14	4,05
2007	45208,0	1820667	40,27	1246769	27,58	4,22
2008	46460,8	1923749	41,41	1616407	34,78	2,81
2009	47743,6	2027591	42,47	1809149	37,89	2,57

Năm	Số lao động (nghìn người)	Giá so sánh 2010		Giá thực tế		Tốc độ tăng (%)
		GDP (tỷ đồng)	NSLĐ (triệu đồng/lao động)	GDP (tỷ đồng)	NSLĐ (triệu đồng/lao động)	
2010	49048,5	2157878	43,99	2157828	43,99	3,59
2011	50352,0	2292483	45,53	2779880	55,21	3,49
2012	51422,4	2412778	46,92	3245419	63,11	3,06
2013	52207,8	2543596	48,72	3584262	68,65	3,84
2014 (ước tính)	53022,2	2695703	50,84	3939553	74,30	4,35

(Báo cáo năng suất 2014)

Cũng theo báo cáo năng suất 2014, trong lĩnh vực công nghiệp, năng suất lao động cao nhất thuộc nhóm khai khoáng, với năng suất 863.4 triệu đồng/người, nhóm sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước năng suất lao động là 729,1 triệu đồng/người và nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo khoảng 67,1 triệu đồng/người.

Mặc dù đã có sự tăng trưởng mạnh về năng suất lao động thông qua những nỗ lực tích cực trong việc đổi mới tổ chức, quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao trình độ quản lý, tay nghề cho người lao động, tuy nhiên, vẫn phải nói rằng, năng suất lao động của doanh nghiệp Việt Nam còn rất thấp. Năm 2000, năng suất lao động Việt Nam đạt mức 4,7 nghìn USD trên một đầu lao động, tăng 1,7 lần so với năm 1990 nhưng cũng chỉ bằng 1/20 lần so với năng suất lao động của Singapour, bằng 1/12,8 lần năng suất của Nhật Bản và 1/8,5 lần so với Hàn Quốc, và bằng 1/3,6 lần so với năng suất lao động của Thái Lan. Hay, năm 2010 năng suất lao động của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể lên 7,4 nghìn USD tăng 1,6 lần so với năm 2000. Tuy nhiên, so sánh với các nước Đông Nam A như Singapour, Thái Lan thì Năng suất lao động của Singapour gấp 15,4 lần và Thái Lan gấp 3 lần so với năng suất lao động của Việt Nam. Đến năm 2012, năng suất lao động Việt Nam đạt 7,9 nghìn USD/người nhưng vẫn chưa thể bắt kịp được khoảng cách so với các quốc gia lân cận.



Hình 1: Năng suất lao động của Việt Nam và một số nước Châu Á

(tính theo sức mua tương đương giá cố định năm 2011, Báo cáo năng suất 2014 của APO)

Ví dụ đối với ngành dệt, một công nhân trong nhà máy dệt ở Việt Nam đứng 10 máy, hiệu suất 80%, trong khi đó ở Đài Loan, họ đứng 30 – 40 máy, hiệu suất 90%. Cụ thể hơn. Thực tế ở ngành dệt may Việt Nam, năng suất lao động bình quân (tính trên giá gia công) tuy có cao hơn so với bình quân chung của cả nước nhưng cũng mới chỉ đạt 1,5 USD/ giờ (bằng 50% năng suất bình quân ngành may Thái Lan và Indonesia). Người lao động làm ra 312 USD/ tháng, nếu trừ các chi phí trong sản xuất, quản lý, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, phí lưu thông... thì chỉ còn khoảng 52% để trả lương cho người lao động, tương đương khoảng 3,4 triệu đồng/tháng. Theo thống kê của Công đoàn ngành dệt may Việt Nam thì thu nhập trung bình của công nhân may là 3,2 triệu đồng/người/tháng (năm 2013). Người lao động làm trong ngành dệt may ở các khu công nghiệp Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nội chỉ thu về khoảng 2,5 triệu/tháng sau khi trừ các khoản đóng góp bảo hiểm, ăn ca ... Điều này chứng minh năng suất lao động còn quá thấp.



Hình 2: Ảnh minh họa, Công ty TNHH dệt Phú Đông, Quảng Nam

Theo báo cáo về năng lực cạnh tranh năm 2006-2007 của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) Việt Nam đứng thứ 77 trên tổng số 125 quốc gia về năng lực cạnh tranh. Báo cáo gần đây nhất năm 2015 – 2016 của WEF, Việt Nam đã vươn lên thứ hạng 56¹ trong danh sách, tuy nhiên vẫn thấp và đứng thứ 6 trong các quốc gia Đông Nam Á sau Singapour, Malaysia, Thái Lan, Indonesia và Philippines. Các sản phẩm vẫn chủ yếu là khai thác và xuất khẩu thô, sơ chế, gia công ... Ngoại trừ một số hàng hóa xuất khẩu như dệt may, da giày, nhựa, chế biến thủy sản, các hàng hóa khác nói chung chất lượng chưa tốt, chưa ổn định và giá thành còn cao đặc biệt là ngành cơ khí, luyện kim, lắp ráp xe máy, ô tô, đóng tàu, hóa chất và công nghiệp tiêu dùng.

Năng suất lao động là chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, đo lường hiệu quả sử dụng lao động của nền kinh tế, đặc trưng bởi quan hệ so sánh giữa một chỉ tiêu đầu ra (kết quả sản xuất) với lao động để sản xuất ra nó. Đối với doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, năng suất lao động được đo lường bằng tỷ số giữa sản lượng của sản phẩm (có thể đo bằng doanh thu hoặc số lượng sản phẩm) và số lượng lao động tạo ra sản phẩm đó. Do vậy, để tăng năng suất lao động cần có các biện pháp tăng sản lượng/giá trị của sản phẩm hoặc giảm số lượng lao động tạo ra sản phẩm đó. Chất lượng lao động (trình độ, thái độ lao động) cũng như hoạt động cải tiến công nghệ, sản phẩm là hai yếu tố đóng vai trò quan trọng, cần có các hoạt động nghiên cứu triển khai sâu mạnh hơn trong thời gian tới./.

ⁱ Theo <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/quoc-te/viet-nam-tang-12-bac-ve-nang-luc-canhh-tranh-toan-cau-3287827.html>, ngày 4/12/2015

Tham khảo:

1. Báo cáo năng suất Việt Nam năm 2014, Viên năng suất Việt Nam, 2015
2. Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu xây dựng lộ trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa công nghiệp chủ lực (224.11.RD/HĐ-KHCN), Viện Nghiên cứu cơ khí, 2012
3. <http://vcci.com.vn/doi-anh-nhan-doi-anh-nghiep/20150128121810147/tpp-va-bai-toan-nang-suat-lao-dong-cua-doi-anh-nghiep-det-may.htm> ngày 28/1/2015
4. <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/quoc-te/viet-nam-tang-12-bac-ve-nang-luc-canhh-tranh-toan-cau-3287827.html>, ngày 4/12/2015